

Số: 53 /KH-UBND

Cà Mau, ngày 15 tháng 6 năm 2017

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 - 2020

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-TTg ngày 19/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Chương trình hành động số 13/CTr-UBND ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 04/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kết luận số 104-KL/TU ngày 31/5/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy về đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG HỘ NGHÈO TRONG TỈNH

Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều năm 2016:

- Toàn tỉnh có: 297.264 hộ dân. Trong đó có: 23.646 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 7,96% và có 11.388 hộ cận nghèo chiếm tỷ lệ 3,83%.

- Trong tổng số 23.646 hộ nghèo có:

+ Khu vực thành thị: 2.133 hộ chiếm tỷ lệ 3,09% cư dân thành thị.

+ Khu vực nông thôn: 21.531 hộ chiếm tỷ lệ 9,43% cư dân nông thôn.

+ Người có công: 249 hộ chiếm tỷ lệ 1,32% trong tổng số hộ người có công.

+ Dân tộc Khmer: 3.038 hộ chiếm tỷ lệ 30,8% trong tổng số hộ Khmer.

- Toàn tỉnh có 3 huyện có tỷ lệ hộ nghèo trên 10%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo cao nhất là huyện U Minh (16,78%).

- Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% trở lên là 11 xã, trong đó, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất tỉnh là xã Khánh Thuận (28,73%) thuộc huyện U Minh.

- Phân loại hộ nghèo theo nhóm đối tượng tác động chính sách:

+ Hộ nghèo dân tộc thiểu số: 3.073 hộ.

+ Hộ nghèo thuộc nhóm đối tượng chính sách bảo trợ xã hội: 1.702 hộ.

+ Hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo: 18.871 hộ.

- Phân tích hộ nghèo theo mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (10 chỉ tiêu) và tỷ lệ % trong tổng số hộ nghèo:

1. Tiếp cận dịch vụ y tế: 1.963 hộ, tỷ lệ 8,30%.

2. Bảo hiểm y tế: 11.549 hộ, tỷ lệ 48,84% .

3. Trình độ giáo dục người lớn: 8.497 hộ, tỷ lệ 35,93%.

4. Tình trạng đi học của trẻ em: 4.069 hộ, tỷ lệ 17,21%.

5. Chất lượng nhà ở: 17.594 hộ, tỷ lệ 74,41%.

6. Diện tích nhà ở: 7.340 hộ, tỷ lệ 31,04%.

7. Nguồn nước sinh hoạt: 2.259 hộ, tỷ lệ 9,55%.

8. Hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh: 17.474 hộ, tỷ lệ 73,90%.

9. Sử dụng dịch vụ viễn thông: 4.115 hộ, tỷ lệ 17,40%.

10. Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin: 5.333 hộ, tỷ lệ 25,55%.

II. MỤC TIÊU THỰC HIỆN

1. Mục tiêu chung

- Cải thiện và từng bước nâng cao mức sống, điều kiện và chất lượng cuộc sống của người nghèo, người cận nghèo, ưu tiên người nghèo thuộc gia đình chính sách, người nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em.

- Tạo cơ hội cho người nghèo, người cận nghèo có điều kiện phát triển, đa dạng hóa sinh kế, tăng thu nhập, vượt qua đói nghèo, vươn lên khá giả.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các huyện, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao; xã, ấp có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo, người cận nghèo.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm 1,5% tương đương khoảng 4.500 hộ/năm. Riêng các xã đặc biệt khó khăn giảm 4%/năm; hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 3%/năm.

- Phân đầu đến năm 2020 có 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã.
- 85% ấp có đường trục giao thông được đảm bảo tiêu chuẩn.
- 90% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, 100% trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế.
- 100% xã có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng yêu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân; 90% xã có cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn nông thôn mới.
- 100% cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin; 70% các xã nghèo, bãi ngang có điểm thông tin tuyên truyền cổ động ngoài trời.

** Dự báo giảm nghèo toàn tỉnh*

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số hộ dân rà soát (hộ)	297.500	298.000	298.500	299.000
Tỉ lệ hộ nghèo cuối năm (%)	6,51	4,96	3,56	2,36
Hộ nghèo giảm trong năm (hộ)	5.060	4.620	4.180	3.600
Tỷ lệ hộ nghèo giảm (%)	1,7	1,6	1,3	1,0

Huy động các nguồn lực trợ giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc đối tượng chính sách (gồm những hộ có người cao tuổi, mất sức lao động, khuyết tật, ốm đau bệnh tật, không có lao động chính tạo ra thu nhập); phân đầu đến cuối năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn dưới 3%.

Tăng cường lồng ghép nhiệm vụ giảm nghèo vào kế hoạch, chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội thường xuyên của tỉnh. Tạo điều kiện để người nghèo, người cận nghèo và hộ mới thoát nghèo được tiếp cận ngày càng thuận lợi hơn với các chính sách giảm nghèo; thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, thụ hưởng phúc lợi xã hội giữa khu vực thành thị và nông thôn, khuyến khích tăng hộ khá, giàu, giảm hộ nghèo.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đến năm 2020	Ghi chú
Bảo hiểm y tế người nghèo	%	100	
Bảo hiểm y tế người sinh sống ở vùng KT-XH ĐBKK	%	100	
Bảo hiểm y tế người cận nghèo	%	100	
Giải quyết việc làm ổn định	người	190.000	
Tỷ lệ lao động qua đào tạo (không kể truyền nghề)	%	50	
Phân đầu 100% lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đủ điều kiện được vay vốn tín dụng ưu đãi	%	100	

Phân đầu 100% hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản được hỗ trợ tiếp cận	%	100	
Tỷ lệ hộ nghèo DTTS được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù	%	100	
Tỷ lệ xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hoàn thành những công trình hạ tầng thiết yếu	%	50	
Tỷ lệ xã thuộc Chương trình 135 (2017-2020) và áp đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng khó khăn	%	30	
Cán bộ làm công tác giảm nghèo được tập huấn	%	100	
Hỗ trợ nhà ở hộ nghèo (Chương trình 167 giai đoạn 2)	Hộ	6.026	
Phân đầu 100% hộ nghèo thuộc diện nhóm đối tượng chính sách bảo trợ xã hội được tiếp cận thụ hưởng chính sách	Lượt hộ	9.000	
Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm	%	1,5	
Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo bình quân hàng năm	%	0,5	
Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2020	%	2,36	
Tỷ lệ đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp tại cộng đồng	%	98	
Giảm tỷ lệ nhà tạm, nhà đơn sơ	%	1%	
Hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	90%	

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc đối tượng chính sách người có công, người dân tộc thiểu số, người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ và trẻ em.

- Người dân và cộng đồng trên địa bàn các xã nghèo; vùng đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển.

- Xã, ấp có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Phạm vi thực hiện

- Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên nguồn lực đầu tư trên địa bàn trọng điểm (huyện, xã vùng sâu, vùng xa có tỷ lệ hộ nghèo cao; xã, ấp đặc biệt khó khăn; vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo).

- Ưu tiên đầu tư thực hiện chính sách giảm nghèo tại các xã thuộc kế hoạch xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020; các xã được công

nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2016 tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí để 05 năm sau được công nhận lại.

3. Thời gian thực hiện kế hoạch

Từ năm 2017 đến năm 2020.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Thực hiện các chính sách giảm nghèo

1.1. Tín dụng ưu đãi hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo

- Tín dụng ưu đãi đến năm 2020 bình quân mỗi năm cho vay 9.000 lượt hộ, mức cho vay tối đa 50 triệu đồng/hộ. Để đảm bảo kế hoạch cho vay, Ngân hàng Chính sách xã hội xây dựng kế hoạch tăng trưởng nguồn vốn trung ương và nguồn vốn địa phương bổ sung mới hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của đối tượng.

- Đa dạng hóa các hình thức tín dụng, củng cố các Tổ tiết kiệm và vay vốn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo tổ dân cư, đoàn thể. Hằng năm, Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với Ban Chỉ đạo giảm nghèo các xã phường, thị trấn khảo sát nhu cầu vay vốn để hướng dẫn tiếp cận nguồn vốn ưu đãi và sử dụng vốn đúng mục đích. Kiểm tra thường xuyên để tránh tình trạng vay không đúng đối tượng, sử dụng vốn không đúng mục đích, hộ vay vượt mức quy định, hộ nghèo có nhu cầu vay và đủ điều kiện vay nhưng chưa được vay để phát triển sản xuất.

1.2. Phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn

- Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, tập trung phát triển các sản phẩm tinh có thể mạnh gắn với chế biến, tiêu thụ bền vững cho nông dân.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình khuyến ngư, khuyến nông, hướng dẫn người nghèo cách làm ăn. Lòng ghép nguồn vốn từ các chương trình dự án, để hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ vật tư, cây, con giống, đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn. Từng bước đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật cho nông dân, góp phần phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn bền vững.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông - lâm - ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề hằng năm có từ 8.000 đến 10.000 lượt hộ nghèo có nhu cầu và điều kiện sản xuất được tiếp cận, thụ hưởng chính sách hỗ trợ sản xuất phát triển kinh tế hộ gia đình; thực hiện chuyển giao kỹ thuật sản xuất bằng phương pháp tiếp cận các thực hành hiện trường, dễ tiếp thu cho người nghèo.

- Phát triển mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để thu hút việc làm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế góp phần giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng giảm dần tỷ lệ lao động khu vực nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Mở rộng và phát triển làng nghề, tạo việc làm mới, việc làm thêm cho người lao động.

1.3. Hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm

- Hỗ trợ dạy nghề giải quyết việc làm cho lao động nghèo, cận nghèo được xác định là giải pháp quan trọng cần tập trung thực hiện. Lồng ghép với Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn để đào tạo nghề cho khoảng 2.000 - 2.500 lao động nghèo/năm; tỷ lệ lao động học nghề có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ có hiệu quả cao, phần đầu đạt trên 70%.

- Đẩy mạnh hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, tổ chức tư vấn, các phiên giao dịch việc làm, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm cho người lao động. Khuyến khích học nghề, ưu tiên tạo điều kiện cho con em gia đình chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo phụ nữ được học nghề, có việc làm ổn định. Cần chú trọng chất lượng đào tạo để gắn kết với thị trường lao động, nhằm tạo điều kiện cho người lao động sau khi học nghề có cơ hội tìm được việc làm phù hợp với nghề đang học.

1.4. Hỗ trợ về y tế

- Trợ giúp người nghèo, người cận nghèo trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên y tế ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất các trạm y tế để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

- Thực hiện tốt chính sách BHYT cho người nghèo, người cận nghèo; hộ dân sống vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người DTTS sống vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

- Huy động cộng đồng trong việc khám chữa bệnh cho người nghèo, khám chữa bệnh nhân đạo, khuyến khích các đội ngũ y tế lưu động phục vụ vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang ven biển trong việc khám chữa bệnh cho người nghèo. Đến năm 2020: 100% người nghèo, người cận nghèo không còn thiếu hụt về tiếp cận y tế.

1.5. Hỗ trợ về giáo dục

- Thực hiện đầy đủ chế độ thụ hưởng cho học sinh, sinh viên theo quy định ưu đãi giáo dục hiện hành.

- Có chính sách khuyến khích học sinh, sinh viên nghèo học giỏi bằng các giải thưởng, học bổng và các ưu đãi khác.

- Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục trên toàn hệ thống trường học, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển.

- Thực hiện tốt công tác xã hội hóa các hoạt động giáo dục, khuyến khích xây dựng và mở rộng "Quỹ khuyến học" khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia giúp đỡ học sinh, sinh viên nghèo. Tạo điều kiện để mọi trẻ em đều được hưởng phúc lợi về giáo dục.

- Đến năm 2020: Có từ 90% - 100% con em trong hộ nghèo được hỗ trợ tiếp cận giáo dục.

1.6. Hỗ trợ về nhà ở

- Thông qua các Chương trình của Chính phủ hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo và “Quỹ vì người nghèo” do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau chủ trì phát động; huy động các nguồn lực, các tổ chức kinh tế - xã hội và một phần vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội ủng hộ giúp đỡ người nghèo xây dựng, sửa chữa nhà ở, xóa nhà tạm bợ, nhà xiêu vẹo.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án Hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ (Chương trình 167 giai đoạn 2). Đến năm 2020, phấn đấu xây dựng 6.026 căn với tổng kinh phí của Đề án: 241.793 triệu đồng (tại Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau).

- Ngoài xây dựng nhà ở theo Đề án cần tăng cường vận động thân nhân, cộng đồng chia sẻ, giúp đỡ, góp phần tạo điều kiện cho người nghèo có đất ở, xây dựng nhà ở, ổn định cuộc sống để phát triển kinh tế hộ gia đình. Có phương án cải thiện chất lượng và diện tích nhà ở cho hộ nghèo, phấn đấu đến cuối năm 2020 ít nhất 99% hộ nghèo được cải thiện về nhà ở.

1.7. Hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý

- Thực hiện Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo, dân tộc thiểu số tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý, nhằm tạo điều kiện cho họ hiểu về quyền và nghĩa vụ của mình, chủ động hơn trong việc tiếp cận, thụ hưởng các chính sách của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo.

1.8. Hỗ trợ tiếp cận nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định

Thông qua các chương trình tín dụng ưu đãi, các dự án tài trợ, vận động xã hội. Cải thiện tiếp cận sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh trong sinh hoạt; xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh cho hộ nghèo đạt theo quy định.

1.9. Hỗ trợ tiếp cận thông tin

- Tăng cường phát triển hạ tầng viễn thông ở vùng sâu vùng xa.

- Vận động tổ chức, cá nhân hỗ trợ hộ nghèo phương tiện tiếp cận và sử dụng dịch vụ viễn thông, đến cuối năm 2020 có 100% hộ nghèo được tiếp cận thông tin phù hợp.

- Các cơ quan thông tin đại chúng, báo, đài xây dựng các chương trình tuyên truyền chính sách về giảm nghèo của địa phương bằng nhiều hình thức phong phú, dễ hiểu, dễ tiếp cận với từng vùng, điều kiện khác nhau; nêu gương điển hình tiên tiến, tọa đàm về chủ trương chính sách, diễn đàn các vấn đề xã hội. Các địa phương tổ chức họp mặt nêu gương thoát nghèo và đăng ký thoát nghèo nhằm động viên người nghèo tự lực vươn lên, không trông chờ ỷ lại. Từng bước

tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức về giảm nghèo trong đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo, trong cộng đồng và bản thân người nghèo.

1.10. Hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Phát triển cơ sở hạ tầng để tạo cơ hội cho các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; các xã vùng bãi ngang ven biển đặc biệt khó khăn và áp đặc biệt khó khăn, có tỷ lệ hộ nghèo cao để có điều kiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phát triển sản xuất, tăng thu nhập giảm nhanh hộ nghèo.

- Giúp đồng bào vùng dân tộc thiểu số ổn định đời sống, phát triển sản xuất, tiếp cận phương thức sản xuất mới nhằm tăng năng suất, nâng cao dân trí, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thực hiện giảm nghèo bền vững.

- Thực hiện tốt các Chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc về đời sống và sản xuất, đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sạch, y tế, giáo dục, an sinh xã hội cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo.

*** Nhu cầu kinh phí dự kiến thực hiện các chính sách giảm nghèo giai đoạn 2017 - 2020:** Theo các hợp phần từ 1.1 đến 1.10 là: **5.356.040.000.000 đồng** (Năm ngàn ba trăm năm mươi sáu tỷ, không trăm bốn mươi triệu đồng).

2. Thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

2.1. Các Dự án hỗ trợ xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (Tỉnh Cà Mau có 11 xã theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020)

2.1.1. Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống của người dân, giảm nghèo nhanh và bền vững.

*** Tập trung vào một số công trình chủ yếu cụ thể như sau:**

- Hoàn thiện đường giao thông nông thôn phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh.

- Hoàn thiện hệ thống các công trình để bảo đảm chuẩn hóa về văn hóa, giáo dục, y tế.

- Đầu tư hệ thống kè, bờ bao chống triều cường, công trình thủy lợi ngăn mặn, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo và phụ nữ, trẻ em hưởng lợi.

- Duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng cơ sở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

- Tăng cường sự tham gia giám sát của người dân và cộng đồng nhằm quản lý phát huy hiệu quả các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu đã được đầu tư, từng bước phát huy lợi thế về địa lý, khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - chính trị, trật tự xã hội.

2.1.2. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển

** Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế*

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, diêm nghiệp: Tập huấn chuyển giao kỹ thuật giống; cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y...; hỗ trợ thông qua khoán chăm sóc, bảo vệ rừng, giao rừng và giao đất để nuôi, trồng rừng sản xuất; hỗ trợ đất sản xuất đối với các hộ nghèo theo quy định.

- Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ; nhà xưởng; máy móc thiết bị; vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm. Đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ sinh kế đa dạng do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục tập quán, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

** Hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo*

- Chú trọng nhân rộng mô hình giảm nghèo có hiệu quả, mô hình liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, bảo quản chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, hộ cận nghèo, cộng đồng với doanh nghiệp, mô hình giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng; ưu tiên nhân rộng mô hình giảm nghèo liên quan đến sinh kế phù hợp với từng vùng, nhóm dân cư cụ thể.

- Xây dựng nhân rộng các mô hình tạo việc làm thông qua thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở ấp để tăng thu nhập cho người dân; mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro do thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

2.1.3. Dự án hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài

- Hỗ trợ học nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, trong thời gian tham gia đào tạo; hỗ trợ tiền đi lại; cung cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; hỗ trợ chi phí chăm sóc sức khỏe; làm hộ chiếu, visa và lý lịch tư pháp để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; đồng thời tư vấn, giới thiệu việc làm khi người lao động về nước tại địa phương.

2.2. Dự án: Chương trình 135 (Dự án 2 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020)

(Tỉnh Cà Mau có 11 xã theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 – 2020 và Quyết định số 582/QĐ-TTg

ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020).

2.2.1. Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các ấp đặc biệt khó khăn

- Hoàn thiện hệ thống đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh và các hệ thống công trình bảo đảm cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã, ấp.

- Duy tu, sửa chữa, xây mới hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa trên địa bàn xã gồm: Trạm chuyển tiếp phát thanh xã; nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng ở ấp.

- Hoàn thiện các công trình để bảo đảm chuẩn hóa trạm y tế xã.

- Hoàn thiện hệ thống các công trình trường học, lớp học đạt chuẩn, để bảo đảm chuẩn hóa giáo dục trên địa bàn xã; xây dựng lớp tiểu học, mẫu giáo, nhà trẻ, nhà ở giáo viên, trang bị bàn ghế, điện, nước sinh hoạt, công trình phụ trên địa bàn.

- Cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi nhỏ trên địa bàn thuộc các vùng sản xuất theo quy hoạch công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân; đồng thời bảo dưỡng các công trình hạ tầng cơ sở ở các xã đặc biệt khó khăn, các ấp đặc biệt khó khăn.

2.2.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, ấp đặc biệt khó khăn

** Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế*

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản...

- Hỗ trợ đất sản xuất: Cải tạo đất sản xuất, tạo ruộng canh tác; hỗ trợ phát triển ngành nghề, dịch vụ: nhà xưởng; máy móc thiết bị; vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường tạo việc làm.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; đa dạng hóa sinh kế do cộng đồng đề xuất, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

** Nhân rộng mô hình giảm nghèo*

- Nhân rộng mô hình giảm nghèo có hiệu quả, mô hình liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, bảo quản chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, hộ cận nghèo, cộng đồng với doanh nghiệp, mô hình giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng; ưu tiên nhân rộng mô hình giảm nghèo liên quan đến sinh kế phù hợp với từng vùng, nhóm dân cư; xây dựng các công trình hạ tầng gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro do thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.2.3. Dự án Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, ấp đặc biệt khó khăn

- Nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, ấp đặc biệt khó khăn về quy trình, kỹ năng tổ chức thực hiện Chương trình, các vấn đề liên quan khác trong giảm nghèo.

- Nâng cao năng lực cho cộng đồng ở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, ấp đặc biệt khó khăn để đảm bảo tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào các khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát cộng đồng với các hoạt động của chương trình.

2.3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135

2.3.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tập huấn, chuyên giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y. Đồng thời phát triển ngành nghề, dịch vụ: nhà xưởng; máy móc thiết bị; vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường tạo việc làm.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và các hoạt động đa dạng hóa sinh kế do cộng đồng đề xuất, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

2.3.2. Nhân rộng mô hình giảm nghèo

- Nhân rộng mô hình giảm nghèo có hiệu quả, mô hình liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, bảo quản chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, hộ cận nghèo, cộng đồng với doanh nghiệp, mô hình giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng; ưu tiên nhân rộng mô hình giảm nghèo liên quan đến sinh kế phù hợp với từng vùng, nhóm dân cư cụ thể.

- Quan tâm xây dựng mô hình tạo việc làm thông qua thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở nông thôn để tăng thu nhập cho người dân; mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.4. Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

2.4.1. Truyền thông về giảm nghèo

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông về công tác giảm nghèo. Đồng thời phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo các cấp.

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách định kỳ ở các cấp nhất là cơ sở; các hoạt động truyền thông giảm nghèo theo hình thức thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm giữa các ấp, xã thực hiện Chương trình.

- Phát triển, tăng cường hoạt động đưa thông tin giảm nghèo trên các Cổng Thông tin điện tử định kỳ hằng tháng, quý, năm.

2.4.2. Giảm nghèo về thông tin

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông tại cơ sở.

- Hỗ trợ sản xuất biên tập phát sóng, phát hành, truyền tải, lưu trữ, quảng bá, phục vụ người đọc các sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, các chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, xuất bản ấn phẩm và các sản phẩm thông tin khác, để phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến các kinh nghiệm, gương điển hình và các thông tin thiết yếu khác.

- Hỗ trợ phương tiện nghe, nhìn cho các hộ nghèo sống tại các xã vùng sâu, vùng bãi ngang ven biển, hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số; hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn (*hiện toàn tỉnh có 8.332 hộ bị thiếu hụt phương tiện tiếp cận thông tin/14.497 hộ thuộc diện nêu*).

- Trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cô đọng tại các huyện, xã; xây dựng các điểm tuyên truyền, cô đọng cô đọng ngoài trời; nội dung chương trình cô đọng phù hợp cho đội thông tin cơ sở.

- Hỗ trợ thiết bị cụm thông tin cơ sở hoặc xây dựng các pa nô ở trung tâm tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2.5. Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

2.5.1. Nâng cao năng lực

- Nâng cao nhận thức về công tác giảm nghèo cho người nghèo, cộng đồng dân cư; đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp; đặc biệt là ở cơ sở.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo cho cán bộ làm công tác giảm nghèo của các cấp từ huyện đến ấp và cán bộ một số hội đoàn thể, tổ chức xã hội tại cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng nghiệp vụ, kinh nghiệm để triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ về công tác giảm nghèo.

- Phối hợp tổ chức lồng ghép với các chương trình khác có liên quan để tổ chức các buổi truyền thông trực tiếp tại cơ sở nhằm thực hiện đối thoại chính sách, xác định nhu cầu và năng lực tham gia của người dân nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tổ chức tham quan, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương; tổ chức các hội nghị về công tác giảm nghèo.

2.5.2. Hoạt động giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

- Kiểm tra giám sát đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn và tổ chức tập huấn về thiết lập, cập nhật, khai thác thông tin theo dõi, giám sát giảm nghèo cho cán bộ quản lý các cấp; tổ chức việc theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo ở các cấp; thiết lập cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu về giảm nghèo ở cấp tỉnh và huyện; nâng cao năng lực vận hành hệ thống giám sát, đánh giá và cập nhật thông tin về giảm nghèo.

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm, tổ chức điều tra đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp.

* Nhu cầu kinh phí thực hiện cho 05 hợp phần dự án, giai đoạn 2017 - 2020 dự kiến là: **466.630.000.000 đồng** (Bốn trăm sáu mươi sáu tỷ, sáu trăm ba mươi triệu đồng).

Tổng cộng các nguồn kinh phí dự kiến thực hiện cho Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2017 - 2020 là: 5.822.670.000.000 đồng (Năm ngàn tám trăm hai mươi hai tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu đồng).

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền

Đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, chính sách, mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp dân nhân; đặc biệt là người nghèo nhằm thay đổi và chuyển biến trong nhận thức giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo bền vững.

2. Nguồn vốn thực hiện

- Từ nguồn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và ngân sách của địa phương.

- Thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Kế hoạch này. Tăng cường cơ chế lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội khác trên địa bàn tỉnh để triển khai có hiệu quả.

- Huy động, tổng hợp và đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện Chương trình. Phát động rộng rãi phong trào ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" đến mọi tổ chức kinh tế - xã hội, các tầng lớp nhân dân nhằm huy động tốt nguồn lực cộng đồng để hỗ trợ hộ nghèo. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục quan tâm tuyên truyền vận động các doanh nghiệp và người dân ủng hộ đóng góp nguồn lực cho công cuộc giảm nghèo.

- Mở rộng sự tham gia của các đối tác xã hội trong việc thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững.

3. Cơ chế thực hiện

- Các sở, ngành: Xây dựng kế hoạch hàng năm; giao nhiệm vụ và kinh phí hỗ trợ cho các địa phương; tổ chức giám sát và đánh giá quá trình thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm đến tận cơ sở và đối tượng thụ hưởng của chương trình.

- Mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động của chương trình từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch; sắp xếp thứ tự ưu tiên; triển khai thực hiện ở cấp xã; quản lý nguồn lực; giám sát và đánh giá.

4. Nguồn lực thực hiện

- Bố trí cán bộ phụ trách Chương trình giảm nghèo cấp xã.
- Tiếp tục thực hiện chính sách tăng cường cán bộ cho các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển.
- Đầu tư kinh phí lồng ghép các nguồn lực để triển khai có hiệu quả chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020; đồng thời huy động nguồn lực xã hội hóa để tập trung đầu tư chương trình ở các cấp.

5. Điều hành quản lý

- Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn toàn tỉnh, giai đoạn 2017 - 2020.
- Xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo giảm nghèo các cấp.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực chương trình; chủ trì và phối hợp với các ngành liên quan xác định đối tượng hỗ trợ; chỉ đạo các huyện và thành phố Cà Mau, xây dựng và thực hiện chương trình; hướng dẫn thực hiện một số dự án: nhân rộng mô hình giảm nghèo, đào tạo cán bộ giảm nghèo. Hướng dẫn các địa phương lập hệ thống số liệu, khảo sát rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Đồng thời định kỳ báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định về triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Chủ trì thực hiện các dự án thành phần của Chương trình gồm:
 - + Tiểu dự án 2 của Dự án 1.
 - + Tiểu dự án 4 của Dự án 1.
 - + Dự án 5.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí vốn, thẩm định nguồn vốn đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh theo tiến độ và kế hoạch vốn đầu tư trung hạn, hằng năm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn thực hiện chương trình, dự án và chính sách giảm nghèo theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành; phối hợp, hướng dẫn, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 theo quy định.

4. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau

Chủ trì thực hiện các dự án tín dụng ưu đãi thuộc chính sách giảm nghèo. Đề xuất các giải pháp thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Triển khai, thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo, cận nghèo. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng về trường học. Đề xuất các giải pháp phù hợp thực tế hỗ trợ về giáo dục cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Lồng ghép các chương trình của ngành với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của tỉnh. Tập trung hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho số hộ nghèo bị thiếu hụt tiếp cận về thông tin, chính sách có liên quan.

6. Sở Y tế

Chủ trì triển khai, phối hợp với các ngành chức năng để thực hiện chính sách hỗ trợ y tế cho người nghèo, người cận nghèo; nghiên cứu và đề xuất giải pháp hỗ trợ người nghèo, cận nghèo về y tế phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương. Chủ động thực hiện lồng ghép các chương trình của ngành với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của tỉnh; thực hiện tốt công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, truyền thông dân số, vận động các cặp vợ chồng thực hiện tốt kế hoạch hoá gia đình, giảm sinh, giảm quy mô gia đình, nhà vệ sinh hợp vệ sinh; ưu tiên đối với các xã nghèo, xã vùng đặc biệt khó khăn. Tập trung hỗ trợ tiếp cận y tế cho số hộ nghèo bị thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ phù hợp.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan thực hiện các dự án quy hoạch bố trí dân cư nông thôn. Dự án hỗ trợ sản xuất, khuyến nông, khuyến ngư, phát triển ngành nghề ở các xã nghèo, xã vùng đặc biệt khó khăn. Tập trung hỗ trợ tiếp cận nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho số hộ nghèo bị thiếu hụt tiếp cận, ở các xã nghèo, xã vùng khó khăn. Gắn các mục tiêu giảm nghèo hướng tới xây dựng nông thôn mới, với các chính sách giảm nghèo và đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Chủ trì thực hiện các dự án thành phần của Chương trình gồm:

+ Tiểu dự án 3 của Dự án 1.

+ Tiểu dự án 2 của Dự án 2.

+ Dự án 3.

8. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thực hiện hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở; tập trung hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Đề án 167 giai đoạn 2.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan lồng ghép Chương trình giảm nghèo vào kế hoạch hằng năm của ngành, đặc biệt xây dựng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan chỉ đạo các cơ quan báo, đài đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến làm thay đổi nhận thức trong đoàn viên, hội viên và nhân dân, người nghèo, người cận nghèo về giảm nghèo, ý thức vươn lên thoát nghèo. Tập trung hỗ trợ tiếp cận cho số hộ nghèo bị thiếu hụt tiếp cận về thông tin.

- Chủ trì thực hiện các dự án thành phần của Chương trình thuộc Dự án 4.

11. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với các cơ quan có liên quan ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất, phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực giảm nghèo nhằm nâng cao hiệu suất và hiệu quả đầu tư.

12. Ban Dân tộc

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan trong việc quản lý, tổ chức thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo có liên quan đến hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chủ trì thực hiện các dự án thành phần của Chương trình gồm:

+ Tiêu dự án 1 của Dự án 2.

+ Tiêu dự án 3 của Dự án 2.

13. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tăng cường vận động, giám sát kiểm tra thực hiện Chương trình, các đoàn thể có kế hoạch lồng ghép các mục tiêu của kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo vào Dự án của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể; tổ chức các buổi hội thảo khoa học, tập huấn cho hội viên, đoàn viên hiểu biết về khoa học - kỹ thuật, nhân rộng các mô hình cho cá nhân, tập thể làm kinh tế giỏi. Phối hợp với các ngành tham gia tuyên truyền rộng rãi các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước trong nhân dân.

- Huy động nguồn lực phối hợp với Sở Xây dựng triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo.

14. Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Cà Mau

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp huyện và xã, phân công các thành viên trong Ban Chỉ đạo, các đơn vị đoàn thể tập trung giúp đỡ các địa phương có tỷ lệ nghèo cao, có sơ tổng kết và báo cáo.

- Xây dựng kế hoạch, triển khai đồng bộ các chương trình dự án giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội và các chương trình lồng ghép khác.

- Thực hiện tốt chế độ báo cáo và thông tin kịp thời kết quả chỉ đạo cơ sở, phản ánh những khó khăn, vướng mắc về Ban Chỉ đạo tỉnh để có những giải pháp tháo gỡ nhằm thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững tại tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2017 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Sở Lao động - Thương

binh và Xã hội và các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau tổ chức triển khai thực hiện các nội dung nêu trên. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Lao động - TB&XH (b/c);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các đơn vị tại mục VII;
- Văn phòng Điều phối các chương trình MTQG tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh (VIC);
- Công TTĐT tỉnh (VIC);
- Phòng: NNTN, KT, TH (VIC);
- VXT20;
- Lưu: VT, Tu47/6.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Thân Đức Hưởng

DỰ KIẾN NHU CẦU NGUỒN VỐN
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO
Giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (có 05 dự án)



Thực hiện các dự án thành phần
 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
 (Ban hành kèm theo Kế hoạch số 53 /KH-UBND
 ngày 15 /6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Dự án 1: Dự án hỗ trợ xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.
2. Dự án 2: Chương trình 135.
3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.
4. Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.
5. Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Ngân sách TW		Ngân sách địa phương		Vốn vay	Huy động	Tổng nguồn vốn
	Vốn ĐTP	Vốn SN	Vốn ĐTP	Vốn SN			
Năm 2017	27.763	14.379	7.138			29.000	
Năm 2018	42.350	21.000	7.500	2.000		32.000	
Năm 2019	53.600	29.000	8.000	4.200		37.000	
Năm 2020	60.000	35.500	9.500	4.700		42.000	
Tổng cộng	183.713	99.879	32.138	10.900		140.000	466.630

*** Tổng nhu cầu kinh phí cho chương trình giảm nghèo giai đoạn 2017 - 2020:**
 5.822.670 triệu đồng

**DỰ KIẾN NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO
GIAI ĐOẠN 2017 - 2020**



Theo các hợp phần Chương trình giảm nghèo
Ban hành kèm theo Kế hoạch số 53 /KH-UBND
ngày 15 /6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hoạt động	Nhu cầu vốn	Nguồn vốn		
			TW	Địa phương	Huy động
1	Tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng CSXH (bình quân 50 tr./hộ nghèo, hộ cận nghèo)	3.800.000	3.650.000	150.000	
2	Dạy nghề và giải quyết việc làm	135.000	85.000	50.000	
3	Nhà ở cho hộ nghèo	241.040	150.650		
4	Bảo hiểm y tế người nghèo, người cận nghèo, cư dân sống vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người DTTS sống vùng kinh tế - xã hội khó khăn	1.126.000	1.097.500	28.500	90.390
5	Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán	54.000		54.000	
6	Vốn huy động trong và ngoài nước				59.610
Tổng cộng		5.356.040	4.983.150	282.500	150.000